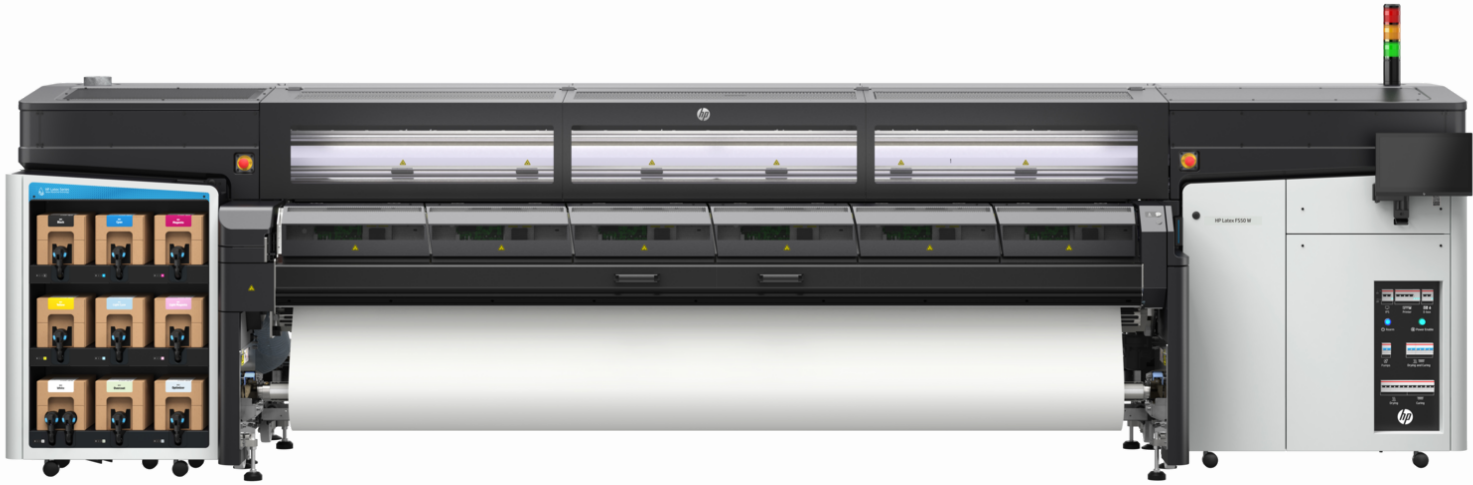


# Máy in HP Latex FS50 W

Mang lại kết quả in tuyệt vời với máy in siêu rộng có thể mở rộng quy mô khi doanh nghiệp của bạn mở rộng



\*Hình ảnh sản phẩm có thể khác với sản phẩm thực tế

## TUYỆT ĐẸP – Chất lượng tốt mang lại lợi nhuận cao

- Bạn có thể phát triển doanh nghiệp của mình với những dự án in có tỷ suất lợi nhuận cao hơn với gam màu rộng hơn tới 30%<sup>1</sup> ở tốc độ cao – trong khi duy trì độ bóng và chất của giấy in.
- Nổi bật với hàng loạt các ứng dụng bằng hiệu và trang trí – như màng mỏng, nhựa vinyl, vải dệt thông sáng không mùi<sup>2</sup>.
- Đem lại cấu hình màu sắc và chất lượng nhất quán trên toàn bộ hệ thống nhờ HP Configuration Center<sup>3</sup>.

## CÓ THỂ MỞ RỘNG – Theo đà phát triển của doanh nghiệp

- Tích hợp các cải tiến trong tương lai với một nền tảng có thể mở rộng, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu kinh doanh luôn luôn phát triển.
- Đáp ứng các lệnh in gấp với tốc độ lên đến 89 m<sup>2</sup> (958 ft<sup>2</sup>) mỗi giờ<sup>4</sup> ngay hôm nay.
- Giảm thiểu lãng phí mực và hợp lý hóa quy trình làm việc của bạn với tính năng vệ sinh đầu in tự động và giao diện trực quan.
- In từ xa và giám sát hệ thống máy in với HP Live Production có sẵn trong Gói dịch vụ in chuyên nghiệp HP Professional Print Service<sup>5</sup>.

## BỀN VỮNG – Với các chứng nhận môi trường

- Máy in này được chế tạo để hoạt động lâu bền<sup>6</sup> nhờ thiết kế có thể mở rộng.
- Tạo ra một không gian làm việc thoải mái – mực gốc nước mang lại bản in không mùi<sup>2</sup> và không có chất ô nhiễm không khí nguy hại<sup>7</sup>.
- Nổi bật với sản phẩm đáp ứng các chứng nhận môi trường như UL ECOLOGO<sup>®8</sup> và UL GREENGUARD<sup>9</sup>.
- Đóng góp vào nền kinh tế tuần hoàn với HP Planet Partners<sup>10</sup> và cơ sở dữ liệu hồ sơ vật liệu thay thế PVC<sup>11</sup>.

## Chú thích trong phần nhấn tin

<sup>1</sup>Dựa trên thử nghiệm do HP ủy quyền và được thực hiện bởi Venture Electronics Tây Ban Nha, so sánh gam màu của mực HP Latex Thế hệ 4 với các loại mực cạnh tranh hàng đầu sử dụng công nghệ UV. Quá trình kiểm thử được thực hiện trong cùng điều kiện trên mọi máy in do mục tiêu ECI2002 bằng quang phổ kế FD-9 của Konica Minolta.

<sup>2</sup>Dựa trên thử nghiệm do HP ủy quyền và Odournet thực hiện và áp dụng cho Mực HP Latex. Thử nghiệm được tiến hành theo Hướng dẫn VDI 3882, trong đó mực 832 và 873 được đặc trưng là "yếu" về cường độ mùi và "trung tính" đối với tổng màu cảm xúc. Có nhiều vật liệu in với đặc tính mùi rất khác nhau. Một số vật liệu in có thể ảnh hưởng đến mùi của bản in thành phẩm.

<sup>3</sup>Nội dung đào tạo miễn phí của HP Learn, công cụ giám sát sản xuất và phân tích từ xa HP Print Beat, HP PrintOS Mobile và HP Configuration Center được cung cấp miễn phí cho tất cả các máy in HP tương thích với HP PrintOS. Yêu cầu có tài khoản HP PrintOS, kết nối Internet và thiết bị có khả năng kết nối Internet. Để biết thêm thông tin, xem <http://www.printos.com>.

<sup>4</sup>Dựa trên thử nghiệm nội bộ của HP. Chế độ ngoài trời 3 pass, 6 màu, 90%. Trong khi chế độ in CMYK và Tối ưu hóa được tối ưu hóa gấp hai lần với các đầu in kép đối xứng, chế độ In phủ, Đỏ nhạt và Xanh nhạt lại dùng các đầu in đơn.

<sup>5</sup>HP PrintOS Live Production khả dụng cho các đơn vị đã đăng ký Gói Dịch vụ In Chuyên nghiệp HP Professional Print Services Plus. Vui lòng tham khảo với văn phòng đại diện HP của bạn để biết thông tin về tính khả dụng và/hoặc phạm vi địa lý áp dụng. Yêu cầu có tài khoản HP PrintOS, kết nối Internet và thiết bị có khả năng kết nối Internet. Để biết thêm thông tin, xem <http://www.printos.com>.

<sup>6</sup>Dựa trên Gói cung cấp vật liệu in khổng lồ dài hạn của HP, ít nhất 70% máy in được cài đặt, từ thế hệ trước, vẫn đang được sử dụng trong 2024. Và trung bình máy in đang sử dụng là 6-7 năm tuổi và ít nhất 50% máy in được hơn 6 năm tuổi.

<sup>7</sup>Mực HP Latex đã được kiểm thử để phát hiện Chất nguy hiểm gây ô nhiễm không khí, như được định nghĩa trong Đạo luật không khí sạch, theo Phương pháp 311 của Cục Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (thử nghiệm được thực hiện vào năm 2013) và không phát hiện thấy chất gây ô nhiễm nào.

<sup>8</sup>Mực HP 832, HP 872, HP 873 và 882 FS50 được chứng nhận UL ECOLOGO<sup>®</sup> cùng FS60 với dòng máy in Mực Latex đáp ứng nhiều tiêu chuẩn nghiêm ngặt về sức khỏe con người và môi trường. Để biết thêm về các chứng chỉ, xem <http://www.ul.com/EL> và <http://www.ul.com/gg>.

<sup>9</sup>Áp dụng cho Mực HP Latex. Chứng nhận UL GREENGUARD Gold cho tiêu chuẩn UL 2818 biểu thị rằng các sản phẩm đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn GREENGUARD của UL về việc phát thải hóa chất vào không khí trong nhà ở mức thấp trong quá trình sử dụng. Kích thước phòng không giới hạn – phòng được trang trí đầy đủ: 33,4 m<sup>2</sup> (360 ft<sup>2</sup>) trong môi trường văn phòng; 94,6 m<sup>2</sup> (1.018 ft<sup>2</sup>) trong môi trường lớp học. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.ul.com/gg> hoặc <http://www.greenguard.org>. Để biết thêm về các chứng chỉ, xem <http://www.greenguard.org>.

<sup>10</sup>Truy cập <http://www.hp.com/recycle> để biết cách tham gia và phạm vi áp dụng của chương trình HP Planet Partners; chương trình có thể không có sẵn tại khu vực pháp lý của bạn. Trong trường hợp chương trình này không có sẵn tại khu vực của bạn và các vật tư tiêu hao khác không có trong chương trình, vui lòng tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý chất thải địa phương về cách xử lý thích hợp.

<sup>11</sup>Các chuyên gia ứng dụng của HP đã đánh giá danh mục chất liệu được liệt kê trong Công cụ định vị chất liệu của HP dựa trên các tiêu chí nội bộ để xác định những chất liệu cung cấp giải pháp thay thế với những lợi ích nhất định về môi trường so với các chất liệu thông thường trong cùng loại ứng dụng. Thông tin trong công cụ tìm vật liệu in được các nhà cung ứng nền vật liệu in cung cấp. HP không chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin của các công ty bên thứ ba được công bố trên trang web của HP. Xem <http://www.hp.com/go/mediasolutionslocator>.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/latex-fs50-series> Tham gia cộng đồng, tìm kiếm công cụ và trao đổi với chuyên gia. Truy cập Trung tâm Tri thức Latex của HP tại <https://lkc.hp.com/>



Bảng dữ liệu

# Thông số kỹ thuật

|                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| In                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Tốc độ in                                          | 121 m²/giờ (2 pass); 89 m²/giờ (3 pass); 69 m²/giờ (4 pass); 49 m²/giờ (6 pass); 38 m²/giờ (8 pass); 29 m²/giờ (10 pass); 54 m²/giờ - Điểm trắng (60%); 17 m²/giờ - In phủ màu trắng (100%); 10 m²/giờ - 3 Lớp (60%); 3,3 m²/giờ - 5 Lớp;       |
| Độ phân giải in                                    | Lên đến 1200 x 1200 dpi                                                                                                                                                                                                                         |
| Công nghệ                                          | Công nghệ In HP Latex                                                                                                                                                                                                                           |
| Loại mực                                           | Mực HP Latex gốc nước                                                                                                                                                                                                                           |
| Hộp/Chai mực in, số                                | 9 (Đen, lục lam, lục lam nhạt, hồng tím nhạt, hồng tím, vàng, HP Latex Optimizer, HP Latex Overcoat, trắng)                                                                                                                                     |
| Print cartridge/bottle volume                      | 5 L (màu) có thể nâng cấp lên 10 L với B3SG0A; 3L (trắng)                                                                                                                                                                                       |
| đầu in                                             | 9 (6 HP Latex phổ thông, 2 HP Latex tối ưu, 1 HP Latex trắng)                                                                                                                                                                                   |
| Tính lặp lại chế độ in sang in trong thời gian dài | Chênh lệch màu tối đa (95% màu) = 2 dE2000                                                                                                                                                                                                      |
| Giấy ảnh media                                     |                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Biển hiệu                                          | Triển lãm và đồ họa sự kiện; Đồ trang trí; Màn hình hiển thị; Bảng hiệu bên ngoài; Áp phích trong nhà; Biểu ngữ; Hộp đèn - tấm phim; POP/POS; Hàng dệt may; Đồ họa quảng cáo trên các loại phương tiện; Giấy dán tường; Đồ họa trưng bày cửa sổ |
| Xử lý                                              | Cuộn đến cuộn, hai mặt chắn sáng, cuộn kép (tùy chọn), cuộn lần tự do (tùy chọn), bộ gom mực (tùy chọn)                                                                                                                                         |
| Cuộn giấy ảnh media                                | 1 (2 với bộ cuộn giấy kép tùy chọn)                                                                                                                                                                                                             |
| Kích cỡ cuộn                                       | Lên đến 3,2 m (cuộn đơn); Lên đến 2 x 1,6 m (cuộn kép tùy chọn); Lên đến 2 x 1,53 m (cuộn kép lớn tùy chọn);                                                                                                                                    |
| Trọng lượng cuộn tối đa                            | Lên đến 160 kg (cuộn đơn); Lên đến 300 kg (với con lăn chuyển hướng tùy chọn); Lên đến 2 x 70 kg (với bộ cuộn kép tùy chọn); Lên đến 2 x 200 kg (với bộ cuộn kép lớn tùy chọn);                                                                 |
| Đường kính cuộn tối đa                             | 30 cm (40 cm với con lăn chuyển hướng tùy chọn);                                                                                                                                                                                                |
| Chiều rộng tối đa của giấy ảnh media               | 3,2 m (cuộn đơn); 2 x 1,60 m (cuộn kép tùy chọn); 2 x 1,53 m (cuộn kép lớn tùy chọn);                                                                                                                                                           |
| Chiều dày                                          | Lên đến 0,4 mm (mặc định); lên đến 2,0 mm (với thiết lập tùy chỉnh chiều cao vận chuyển);                                                                                                                                                       |
| Loại giấy in                                       | Băng rôn, nhựa tổng hợp tự dính, tấm phim, giấy, giấy dán tường, vải bố, vải sợi tổng hợp, vải, lưới, vải dệt¹                                                                                                                                  |

## Thông tin đặt hàng

| Sản phẩm |                                                           |
|----------|-----------------------------------------------------------|
| 9T923C   | Máy in HP Latex FS50 W                                    |
| Phụ kiện |                                                           |
| 3Y0K4A   | Bộ thu Mực HP Latex 2700/FS                               |
| 474X9A   | Bộ cuộn Kép HP Latex 2700/FS Jumbo                        |
| 474Y0A   | Bộ Bot thu Mực HP Latex 2700/FS                           |
| 4J0X0A   | HP 126-in Dual Roll Kit                                   |
| 4R4W4A   | Trục từ HP 126 in                                         |
| 4R4W5A   | Bộ Cuộn Rời tự do HP Latex 126-in                         |
| 4R4W7A   | Con lăn Bằng tải HP 126-in                                |
| 55P20A   | Bộ dụng cụ Thời gian vận hành Tiêu chuẩn HP Latex 2700/FS |
| 55P21A   | Bộ dụng cụ Thời gian vận hành Trắng HP Latex 2700/FS      |
| 55P22A   | Bộ dụng cụ Bảo trì dành cho Người dùng HP Latex 2700/FS   |
| 79D06A   | Bộ Giá đỡ Mép giấy HP Latex 2700/FS                       |
| B3SG0A   | Hộp mực Nâng cấp Công suất Cao Dòng HP Latex FS           |
| G1K80B   | Trục cuộn kép HP 126-in                                   |
| L2E28A   | Trục chia cuộn kép HP Latex Jumbo                         |
| M2J33A   | Máy cắt Nội tuyến HP Latex                                |
| T4E58B   | Bộ tiết kiệm giấy in HP Latex                             |
| Mực in   |                                                           |
| 8G4G4A   | Hộp mực phủ B Latex HP 883 5 lít                          |
| G0Z21A   | Đầu in Latex màu trắng HP 886                             |
| G0Z22A   | Đầu in Latex tối ưu hóa HP 886                            |
| G0Z24A   | Đầu in Latex HP 886                                       |
| G0Z28A   | Hộp mực Latex màu lục lam HP 883 5 lít                    |
| G0Z29A   | Hộp mực Latex màu hồng tím HP 883 5 lít                   |
| G0Z30A   | Hộp mực Latex màu vàng HP 883 5 lít                       |
| G0Z31A   | Hộp mực Latex màu đen HP 883 5 lít                        |
| G0Z32A   | Hộp mực Latex màu lục lam nhạt HP 883 5 lít               |
| G0Z33A   | Hộp mực Latex màu hồng tím nhạt HP 883 5 lít              |
| G0Z34A   | Hộp mực Latex Tối ưu HP 883 5 lít                         |
| G0Z35A   | Hộp mực phủ Latex HP 883 5 lít                            |
| G0Z44A   | Hộp mực Latex màu trắng HP 883 3 lít                      |
| G0Z45A   | Bộ vệ sinh đầu in Latex HP 883                            |

| Khả năng kết nối       |                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giao diện              | Intel I210-T1 Gigabit Ethernet (1000Base-T)                                                                                                                                                                                                             |
| Kích thước (R X S X C) |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Sân phẩm               | 574 x 138 x 167 cm;                                                                                                                                                                                                                                     |
| Vận chuyển             | 586 x 181 x 191 cm;                                                                                                                                                                                                                                     |
| Trọng lượng            |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Sân phẩm               | 1323 kg;                                                                                                                                                                                                                                                |
| Vận chuyển             | 2110 kg;                                                                                                                                                                                                                                                |
| Đi kèm                 |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Trong hộp có gì        | Máy in HP Latex FS50 W, đầu in, trục xoay 126 inch (x2), Máy chủ In Nội bộ HP, màn hình cảm ứng, phần mềm tài liệu, hướng dẫn sử dụng, giá giữ mép giấy, giấy mẫu HP chính hãng, vật tư làm sạch, súng bơm khí nén, Bộ hướng dẫn Bảo trì cho Người dùng |
| Phạm vi môi trường     |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Nhiệt độ hoạt động     | 15 đến 30°C ;                                                                                                                                                                                                                                           |
| Độ ẩm hoạt động        | 20 đến 70% RH (không ngưng tụ)                                                                                                                                                                                                                          |
| Âm thanh               |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| áp suất âm thanh       | In: 71 dB(A) (khi hoạt động), 58 dB(A) (khi không hoạt động)                                                                                                                                                                                            |
| Nguồn điện             |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Tiêu thụ               | 12 – 13 kW (in), 510 W (sẵn sàng), 110 W (chế độ năng lượng thấp), 100 W (tắt máy)                                                                                                                                                                      |
| Yêu cầu                | Điện áp đầu vào 200-240/380-415 V Delta/Wye ba pha và PE; 50/60 Hz; 56/35 A                                                                                                                                                                             |
| Chứng nhận             |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| An toàn                | Tuân thủ IEC 62368-1; Hoa Kỳ và Canada (CSA được liệt kê); Liên minh Châu Âu (tuân thủ MD, EN60204-1, EN12100, EN13849-1, EN10101-1); Ukraina (UA)                                                                                                      |
| Điện tử                | Tuân thủ các yêu cầu của Loại A; Hoa Kỳ (Quy tắc FCC), Canada (ICES), Liên minh Châu Âu (Chỉ thị EMC), Úc (ACMA), New Zealand (RSM), Hàn Quốc (KCC)                                                                                                     |
| Môi trường             | Tuân thủ đầu WEEE, RoHS (Liên minh Châu Âu, Trung Quốc, Ukraina), REACH, CE                                                                                                                                                                             |
| Bảo hành               | Bảo hành phần cứng giới hạn một năm                                                                                                                                                                                                                     |

Sử dụng mực và đầu in HP Chính hãng cùng với vật liệu in khổ lớn của HP mang đến trải nghiệm chất lượng cao đồng đều và hiệu suất đáng tin cậy giúp giảm thời gian chết. Các thành phần quan trọng này được thiết kế và chế tạo cùng nhau dưới dạng một hệ thống máy in được tối ưu hóa. Ngoài ra, mực HP chính hãng được thiết kế để kéo dài tối đa tuổi thọ của đầu in HP. Bảo vệ khoản đầu tư vào máy in HP của bạn bằng cách sử dụng mực HP chính hãng để nhận được sự bảo vệ đầy đủ từ chế độ bảo hành của HP. Để biết thêm thông tin, truy cập <https://hp.com/go/OriginalHPinks>

**Vật liệu in khổ lớn HP chính hãng**  
Giấy in tranh mô phỏng ảnh chụp của HP  
Giấy bóng tối ưu HP Optimal Gloss Ajr GRP (Tuân thủ REACH²)  
Vải kết dính rời HP (Tuân thủ REACH²)  
Băng rôn chắn sáng hai mặt HP 15-oz Prime (Tuân thủ REACH²)  
Để biết toàn bộ danh mục Vật liệu In Khổ Lớn của HP, vui lòng xem [HPLFMedia.com](https://hplfmedia.com).

**Dịch vụ và Hỗ trợ**  
**U95SKE** Dịch vụ Hỗ trợ Phần cứng trong Gói Dịch vụ Bổ sung Thời hạn 2 năm của HP kèm Giữ lại Bộ phận bị Lỗi dành cho HP Latex FS50 White (Trong Thời hạn Bảo hành)  
**U95SLE** Dịch vụ Hỗ trợ Phần cứng trong Gói Dịch vụ Bổ sung Thời hạn 3 năm của HP kèm Giữ lại Bộ phận bị Lỗi dành cho HP Latex FS50 White (Trong Thời hạn Bảo hành)  
**U95SME** Dịch vụ Hỗ trợ Phần cứng trong Gói Dịch vụ Bổ sung Thời hạn 4 năm của HP kèm Giữ lại Bộ phận bị Lỗi dành cho HP Latex FS50 White (Trong Thời hạn Bảo hành)  
**U95SNE** Dịch vụ Hỗ trợ Phần cứng trong Gói Dịch vụ Bổ sung Thời hạn 5 năm của HP kèm Giữ lại Bộ phận bị Lỗi dành cho HP Latex FS50 White (Trong thời hạn bảo hành)  
Dịch vụ hỗ trợ HP cung cấp dịch vụ lắp đặt và hỗ trợ mở rộng (ví dụ: 2, 3, 4 và 5 năm). Để biết thêm thông tin, truy cập <http://www.hp.com/go/cpc>

## Chú thích cuối trang về đặc điểm kỹ thuật

<sup>1</sup>Hiệu suất có thể thay đổi tùy theo giấy in – Để biết thêm thông tin, truy cập <http://www.hp.com/go/mediasolutionslocator>. Để có kết quả tốt nhất, hãy sử dụng chất liệu vải dệt. Cần có bộ gom mực tùy chọn cho chất liệu vải xếp.  
<sup>2</sup> Sản phẩm này không chứa các chất được liệt kê là SVHC (155) theo Phụ lục XIV của chỉ thị REACH của EU được công bố vào ngày 16 tháng 6 năm 2014 với nồng độ vượt quá 0,1%. Để xác định trạng thái của SVHC trong các sản phẩm của HP, hãy xem Tuyên bố HP REACH được xuất bản tại Sản phẩm in và vật tư tiêu hao của HP.

© Bản quyền 2025 HP Development Company, L.P. Thông tin có trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chế độ bảo hành duy nhất cho sản phẩm và dịch vụ của HP được quy định trong các điều khoản bảo hành chính thức đi kèm với các sản phẩm và dịch vụ tương ứng. Không có nội dung nào trong tài liệu này được hiểu là cấu thành chế độ bảo hành bổ sung. HP không chịu trách nhiệm đối với lỗi kỹ thuật, biến tập hoặc thiếu sót trong tài liệu này.

